



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 10 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng Phân tích**
Laboratory: **Analysis Department**

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: **Cty TNHH Phi Hùng**
Organization: **Phi Hung Company Limited**

Số hiệu/ Code: **VILAS 973**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực: **Cơ, Hóa**
Field: **Mechanical, Chemical**

Người quản lý: **Lại Văn Thuận**
Laboratory manager: **Lai Van Thuan**

Hiệu lực công nhận/
Period of Validation: **Từ ngày/from 10/2025 đến ngày/to 06/12/2030**

Địa chỉ/ Address: **Tổ dân phố Mỹ Đồng 6, phường Lê Ích Mộc. TP. Hải Phòng**
My Dong 6 residential group, Le Ich Moc ward. Hai Phong city

Địa điểm/Location: **Tổ dân phố Mỹ Đồng 6, phường Lê Ích Mộc. TP. Hải Phòng**
My Dong 6 residential group, Le Ich Moc ward. Hai Phong city

Điện thoại/ Tel: **84 225 387 4061**

E-mail: **hunghp.phihung@gmail.com**

Website **www.phihung.com.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 973**Lĩnh vực thử nghiệm: **Hóa***Field of testing: Chemical*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>		Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Đồng và hợp kim đồng <i>Copper and Copper Alloys</i>	Xác định thành phần hóa học (Cu, Si, Mn, P, Pb, Ni, Zn, Sn, Fe, Al). Phương pháp quang phổ phát xạ nguyên tử <i>Determination of chemical compositions (Cu, Si, Mn, P, Pb, Ni, Zn, Sn, Fe, Al). Atomic emission spectrometric analysis method</i>	Cu	(50 ~ 99,8) %	BS EN 15079: 2015
			Si	(0,005 ~ 6,0) %	
			Mn	(0,001 ~ 6,0) %	
			Pb	(0,005 ~ 4,0) %	
			Ni	(0,01 ~ 7,0) %	
			Zn	(0,02 ~ 50,0) %	
			Sn	(0,005 ~ 6,0) %	
			Fe	(0,005 ~ 5,0) %	
			Al	(0,02 ~ 9,0) %	

Lĩnh vực thử nghiệm: **Cơ***Field of testing: Mechanical*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Đồng hợp kim <i>Copper Alloy</i>	Thử kéo (giới hạn chảy, giới hạn bền, độ giãn dài) <i>Tensile test (yield point, tensile strength, elongation)</i>	Lực kéo lớn nhất của máy/ <i>Max load:</i> 300 kN	TCVN 197-1: 2014 JIS Z 2241: 2022

Ghi chú/Note:

- BS EN: *British Standard European Norm*
- JIS: *Japanese Industrial Standards*

Trường hợp Cty TNHH Phi Hùng cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Cty TNHH Phi Hùng phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Phi Hung Company Limited that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

